

Bản án số: 50/2019/DS-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v: “*Tranh chấp HĐ tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Hoàng Thị Hòa.**

2. Ông Dương Xuân Đỉnh.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thu Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 134/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-DS ngày 29/7/2019 giữa:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần VT.

Địa chỉ: Số 89 phố L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Trọng P, ông Hoàng Thái S – Cán bộ xử lý nợ.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.2/ Ông Nguyễn Văn T- Sinh năm 1952.

3.3/ **Bà Tạ Thị Nh-** Sinh năm 1955.
Cùng trú tại: Thôn L xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
3.4/ **Chị Nguyễn Thị Hương L** – Sinh năm 1980.
3.5/ **Cháu Đỗ Trung HA** – Sinh năm 2008 (con chị L).
3.6/ **Cháu Đỗ Nguyễn Tấn H** - Sinh năm 2010 (con chị L).
Cùng trú tại: Thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
Đại diện hợp pháp của cháu HA, cháu H là chị Nguyễn Thị Hương L.
Ông T, bà Nh xin vắng mặt tại phiên tòa.
Chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

- Theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014, bà Nguyễn Thị Ngọc L vay vốn tại Ngân hàng VT tổng số tiền là 851.000.000 đồng. Cụ thể theo các khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015: Số tiền nhận nợ là 90.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015: Số tiền nhận nợ là 61.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng.

+ Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014: Số tiền nhận nợ là 700.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 13%/năm điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng một lần với biên độ bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng cộng biên độ 4,5%/năm, thời hạn trả nợ trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu từ ngày 25/7/2014.

- Theo qui định của các Hợp đồng tín dụng thì lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền phạt chậm trả lãi bằng lãi suất quá hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu từ ngày quá hạn đến khi thanh toán hết nợ.

- Để đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Ngọc L gồm:

+ Quyền sử dụng đất (diện tích 556m²) tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837.QSDĐ/Mai Lâm do UBND huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2003. Xác nhận thế chấp tại Ngân hàng VT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1580/2014 ngày 11/6/2014 ký tại Văn phòng Công chứng KĐ.

+ Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

- Ngoài các lần nhận nợ trên, bà Nguyễn Thị Ngọc L còn đồng ý mở và sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng VT, bằng việc ký vào “Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế” ngày 03/6/2015.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VT nên Ngân hàng VT đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn, với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận.

- Tạm tính đến ngày 17/8/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc L còn nợ Ngân hàng VT số tiền như sau:

- + Nợ gốc: 467.885.059 đồng.
- + Nợ lãi: 272.837.995 đồng.
- + Phạt chậm trả lãi: 89.324.874 đồng.
- + Dư nợ thẻ tín dụng: 219.707.505 đồng.
- + Tổng cộng: 1.049.755.433 đồng.

- Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng VT toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi, dư nợ thẻ tín dụng theo các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, thẻ tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 17/8/2019.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Nguyễn Thị Ngọc L thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng VT.

- Đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng VT có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cụ thể là quyền sử dụng đất (diện tích 556m²) thửa đất số 76 tờ bản đồ số 02 tại thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền ở hữu của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080 do UBND huyện Đ cấp ngày 13/6/2003. Xác nhận thế chấp tại Ngân hàng VT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1580/2014 (nghĩa vụ 2) và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1579/2014 (nghĩa vụ 1) ngày 11/6/2014 ký tại Văn phòng Công chứng KĐ. Trường hợp việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp không thanh toán được hết toàn bộ khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc L thì Ngân hàng VT có quyền kê biên, phát mại các tài sản thuộc sở hữu cá nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc L để thanh toán nợ cho Ngân hàng VT.

*** Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc L:**

Theo cung cấp của Công an xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội là nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Ngọc L thì bà L có Hộ khẩu thường trú tại thôn L xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hiện bà L đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2017 cho đến nay không trình báo với địa phương, bà L ở đâu, làm gì địa phương không nắm được. Do vậy nên Tòa án không lấy được lời khai của bà L.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Văn T và bà Tạ Thị Nh trình bày:**

Năm 2014 và năm 2015 chị Nguyễn Thị Ngọc L có vay tại Ngân hàng VT một khoản tiền là bao nhiêu ông bà không biết, hiện tại chị L còn nợ Ngân hàng bao nhiêu ông bà cũng không biết.

Để đảm bảo cho khoản vay của chị L ông bà đã đồng ý để cho chị L thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, tại thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T. Hiện tại ông bà cùng con gái là Nguyễn Thị Hương L và các cháu đang sinh sống trên đất.

Đến thời điểm hiện tại chị L vẫn chưa về nhà, ông bà cũng không liên lạc được với chị L. Đề nghị Ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện cho chị L trả nợ dần. Ông bà hiện nay đã già yếu không thể đến Tòa án tham gia tố tụng được, ông bà đề nghị Tòa án cho ông bà được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Nguyễn Thị Hương L:***

Tòa án đã nhiều lần đến nhà chị Nguyễn Thị Hương L để lấy lời khai nhưng chị L đều đi vắng không có nhà, nên không thể lấy được lời khai của chị L.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tạm tính đến ngày 13/9/2019 tổng dư nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc L tại Ngân hàng VT như sau:

* Đối với Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014 theo Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 cụ thể: Nợ gốc: 384.991.000 đồng, lãi trong hạn: 11.079.772 đồng, lãi quá hạn: 204.390.358 đồng, phạt chậm trả lãi: 64.870.500 đồng. Tổng cộng là 665.331.630 đồng.

* Đối với Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 cụ thể: Nợ gốc: 49.529.678 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.407.771 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.530.784 đồng, phạt chậm trả lãi: 20.994.017 đồng. Tổng cộng là 114.462.250 đồng.

* Đối với Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015 theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 cụ thể: Nợ gốc: 33.364.381 đồng, nợ lãi trong hạn: 746.338 đồng, nợ lãi quá hạn: 28.232.731 đồng, phạt chậm trả lãi: 13.592.731 đồng. Tổng cộng là 75.936.181 đồng.

* Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 cụ thể: Nợ gốc: 85.235.730 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.481.825 đồng, nợ lãi quá hạn: 119.509.443 đồng, phí còn phải trả: 1.408.470 đồng, phạt chậm trả lãi: 88.681.769 đồng. Tổng cộng là 296.317.237 đồng.

Ngân hàng xin rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi đối với các Hợp đồng tín dụng. Cụ thể: Đối với khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014 theo Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 là 64.870.500 đồng; Đối với Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 là 20.994.017

đồng; Đối với Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015 theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 là 13.592.731 đồng; Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 là 88.681.769 đồng. Tổng cộng là: 188.139.017 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả nợ cho Ngân hàng VT toàn bộ số tiền còn nợ trên.

Trong trường hợp bà L không trả được các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng VT được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể là toàn bộ Quyền sử dụng đất (diện tích 556m²) tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837.QSDĐ/Mai Lâm do UBND huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2003. Xác nhận thế chấp tại Ngân hàng VT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1580/2014 ngày 11/6/2014 ký tại Văn phòng Công chứng KĐ.

Ngân hàng xin rút yêu cầu về việc kê biên phát mãi các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của cá nhân bà Nguyễn Thị Ngọc L.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Hương L vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Văn T và bà Tạ Thị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

+ Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hương L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tại phiên tòa bà L và bà L vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Ông Nguyễn Văn T và bà Tạ Thị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L, bà L, ông T và bà Nh là có căn cứ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khi ký kết các Hợp đồng tín dụng các bên đều có đủ năng lực trách nhiệm, hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, do vậy xác định việc ký các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng VT với bà Nguyễn Thị Ngọc L là hoàn toàn hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ số nợ của bà L đã chuyển sang nợ quá hạn. Do vậy việc Ngân hàng VT khởi kiện yêu cầu bà L trả các khoản nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là có cơ sở pháp lý, đề nghị chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu đối với các khoản tiền phạt chậm trả lãi đối với các Hợp đồng tín dụng và việc kê biên phát mại các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của cá nhân bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Về tài sản đảm bảo: Gồm Quyền sử dụng đất (diện tích 556m²) tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837.QSĐĐ/ML do UBND huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2003. Xác nhận thế chấp tại Ngân hàng VT theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1580/2014 ngày 11/6/2014 ký tại Văn phòng Công chứng KĐ. Việc ký kết Hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp theo đúng qui định của pháp luật.

Trường hợp nếu bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng VT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, đề nghị chấp nhận.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VT đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng VT toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi như đã nêu trên.

+ Trường hợp bà L không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng VT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo qui định của pháp luật.

+ Bà L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng VT khởi kiện đến Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015, Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và “Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế” ngày 03/6/2015. Do đó quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, bà Lan trú tại thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông

Anh, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự thủ tục tố tụng.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc L là bị đơn không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Tạ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hương L không có yêu cầu độc lập. Ông Nguyễn Văn T và bà Tạ Thị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và bà Nguyễn Thị Hương L theo đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa bà L và bà L vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà Nh, bà L, bà L là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn là Ngân hàng VT đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L tính đến ngày 13/9/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014, bà Lan còn nợ Ngân hàng VT tổng cộng là: 600.461.130 đồng, trong đó nợ gốc là 384.991.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.079.772 đồng, nợ lãi quá hạn là 204.390.358 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015, bà Lan còn nợ Ngân hàng VT tổng cộng là: 155.811.683 đồng, trong đó nợ gốc là 82.894.059 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.154.109 đồng, nợ lãi quá hạn là 70.763.515 đồng.

Xét thấy việc ký kết các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Ngân hàng đã giải ngân cho bà L theo Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014 là 700.000.000 đồng, theo Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 là 90.000.000 đồng, theo Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015 là 61.000.000 đồng. Hình thức và nội dung các Hợp đồng phù hợp các qui định của pháp luật nên có hiệu lực và ràng buộc đối với các bên. Do đó các bên có nghĩa vụ tuân thủ các qui định của các Hợp đồng tín dụng cũng như các Khế ước nhận nợ.

Tại khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ lần 01/Số: 314742-NQH-29052014 qui định “*mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân lần đầu là 13%/năm. Mức lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, kỳ điều chỉnh đầu tiên là vào ngày 01/10/2014, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tương ứng với kỳ hạn vay tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm ... Các bên thống nhất đến kỳ điều chỉnh lãi suất bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và không phải thông báo cho bên vay. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết không có bất kỳ*

tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện gì đến vấn đề này”.

Tại khoản 3 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 qui định *“Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức qui định tại Hợp đồng này và các văn bản liên quan, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo - bằng 150%^ lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ”.*

Tại khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 qui định: *“1. Lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm (mức lãi suất này là cố định, không thay đổi trong suốt thời hạn vay) ... 3. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn ...”.*

Đối chiếu với bản sao kê và các Quyết định qui định về lãi suất cũng như điều chỉnh về lãi suất của Ngân hàng VT thì Ngân hàng VT đã áp dụng mức lãi suất cho vay trong hạn đúng theo qui định của pháp luật và đã điều chỉnh mức lãi suất định kỳ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi, lãi suất quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi của các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên. Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu về khoản tiền phạt chậm trả lãi là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp qui định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án điều tra thu thập được, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 13/9/2019 cụ thể là:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014 là **600.461.130** đồng, trong đó nợ gốc là **384.991.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **11.079.772** đồng, nợ lãi quá hạn là **204.390.358** đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015, Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015 là **155.811.683** đồng, trong đó nợ gốc là **82.894.059** đồng, nợ lãi trong hạn là **2.154.109** đồng, nợ lãi quá hạn là **70.763.515** đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo qui định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn là Ngân hàng VT đối với bị

đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L tính đến ngày 13/9/2019 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015, bà Lan còn nợ Ngân hàng VT là: 207.635.468 đồng, trong đó nợ gốc là 85.235.730 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.481.825 đồng, nợ lãi quá hạn là 119.509.443 đồng, phí còn phải trả là 1.408.470 đồng.

Xét thấy việc ký kết Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VPLady Titanium MasterCard với hạn mức là 89.000.000 đồng cho chị L. Hình thức và nội dung Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 phù hợp các qui định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

Tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 hai bên không thỏa thuận về lãi tuy nhiên căn cứ theo Quyết định số 290/2015/QĐ-TGD ngày 14/4/2015 Quyết định về lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng là cá nhân của Ngân hàng VT đã quy định mức lãi suất đối với thẻ tín dụng hạng Titan là 2,19%/tháng và được điều chỉnh theo qui định của Ngân hàng. Do vậy tính đến thời điểm hiện nay Ngân hàng VT đang áp dụng mức lãi suất trong hạn là 2,99%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Đối chiếu với bản sao kê tính lãi, Quyết định về áp dụng biểu lãi suất điều chuyển vốn nội bộ đối với khách hàng do Ngân hàng VT cung cấp thì lãi suất được áp dụng là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất của Ngân hàng VT.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi của Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 nêu trên và rút yêu cầu về việc kê biên phát mại các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc L trong trường hợp bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với toàn bộ khoản nợ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 cho Ngân hàng VT. Việc rút các yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo qui định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án điều tra thu thập được, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 13/9/2019 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 là: **207.635.468 đồng**, trong đó nợ gốc là **85.235.730 đồng**, nợ lãi trong hạn là **1.481.825 đồng**, nợ lãi quá hạn là **119.509.443 đồng**, phí còn phải trả là **1.408.470 đồng**. Khoản nợ này không có tài sản đảm bảo.

[2.3] Về tài sản thế chấp để đảm bảo đối với khoản vay theo Hợp đồng

tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014, theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015: Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1580/2014, quyền số 02.2014 ngày 11/6/2014 tại Văn phòng Công chứng KĐ, Thành phố Hà Nội, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng VT, bên thế chấp là Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T bao gồm các thành viên: ông Nguyễn Văn T, bà Tạ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị Hương L, tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 76; Tờ bản đồ số 2; diện tích 556m² đất ở, đất vườn liền kề, địa chỉ thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00837.QSDĐ/Mai Lâm do Ủy ban nhân dân Huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2003 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T.

Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi dân sự, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, các bên đã làm thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 11/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) huyện Đ theo đúng trình tự thủ tục qui định. Tuy nhiên theo qui định tại khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/6/2014 thì tài sản thế chấp nêu trên đang thế chấp tại Ngân hàng VT để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Hà Nội HS với tổng số tiền tín dụng được cấp cao nhất là 1.700.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1579/2014 ký ngày 11/6/2014 tại Văn phòng Công chứng KĐ, Thành phố Hà Nội.

Tại điểm e khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp đã qui định: *“Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này đều thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này”*.

Vì vậy Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1580/2014, quyền số 02.2014 ngày 11/6/2014 tại Văn phòng Công chứng KĐ, Thành phố Hà Nội ký kết giữa các bên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành và sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của Công ty HS, giá trị tài sản thế chấp còn lại sẽ tiếp tục có nghĩa vụ bảo đảm cho cả hai khoản vay của bà L theo hai Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014, theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015. Trong trường hợp bên vay không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng VT có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng VT là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất tại thửa đất số 76; Tờ bản đồ số 2; Địa chỉ thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080 do Ủy ban nhân dân Huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2003 mang tên Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T.

[3] Qua xem xét thẩm định tại chỗ hiện nay **thửa đất số 76, tờ bản đồ số 02** tại thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T vẫn nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp, không có thay đổi gì. Tuy nhiên qua đo đạc thực tế hiện trạng của thửa đất thì hiện nay thửa đất có diện tích là 499,8m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080 thì thửa đất có diện tích là 556m². Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn xác nhận tại thời điểm hiện nay thửa đất vẫn nguyên trạng như tại thời điểm thế chấp. Việc các bên ký Hợp đồng thế chấp đã được thực hiện đúng theo qui định của pháp luật, vì vậy Ngân hàng vẫn xác định xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp. Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng sẽ có yêu cầu cụ thể sau đối với Cơ quan Thi hành án. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của Ngân hàng VT là phù hợp và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa hoàn toàn có căn cứ và phù hợp các qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 302; 305; 342; 343; 344; 348; 349; 350; 351; 355; 474; 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 688; 689 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1.4 Điều 1 mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VT đối với bà Nguyễn Thị

Ngọc L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải thanh toán trả cho Ngân hàng VT số tiền nợ tính đến ngày 13/9/2019, cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014 là: **600.461.130** đồng (Sáu trăm triệu, bốn trăm sáu một nghìn, một trăm ba mươi đồng), trong đó nợ gốc là **384.991.000** đồng (Ba trăm tám tư triệu, chín trăm chín một nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là **11.079.772** đồng (Mười một triệu, không trăm bảy chín nghìn, bảy trăm bảy hai đồng), nợ lãi quá hạn là **204.390.358** đồng (Hai trăm linh tư triệu, ba trăm chín mươi nghìn, ba trăm năm tám đồng).

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015, Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015 là **155.811.683** đồng (Một trăm năm lăm triệu, tám trăm mười một nghìn, sáu trăm tám ba đồng), trong đó nợ gốc là **82.894.059** đồng (Tám hai triệu, tám trăm chín tư nghìn, không trăm năm chín đồng), nợ lãi trong hạn là **2.154.109** đồng (Hai triệu, một trăm năm tư nghìn, một trăm linh chín đồng), nợ lãi quá hạn là **70.763.515** đồng (Bảy mươi triệu, bảy trăm sáu ba nghìn, năm trăm mười lăm đồng).

+ Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 là: **207.635.468** đồng (Hai trăm linh bảy triệu, sáu trăm ba lăm nghìn, bốn trăm sáu tám đồng), trong đó nợ gốc là **85.235.730** đồng (Tám lăm triệu, hai trăm ba lăm nghìn, bảy trăm ba mươi đồng), nợ lãi trong hạn là **1.481.825** đồng (Một triệu, bốn trăm tám một nghìn, tám trăm hai lăm đồng), nợ lãi quá hạn là **119.509.443** đồng (Một trăm mười chín triệu, năm trăm linh chín nghìn, bốn trăm bốn ba đồng), phí còn phải trả là **1.408.470** đồng (Một triệu, bốn trăm linh tám nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng).

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VT đối với khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi của Ngân hàng VT đối với Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014, Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015 tổng cộng là **188.139.017** đồng (Một trăm tám tám triệu, một trăm ba chín nghìn, không trăm mười bảy đồng).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VT về việc kê biên phát mại tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Lan trong trường hợp bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014, Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015.

5. Kể từ ngày 14/9/2019, hàng tháng bà L còn phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày

13/6/2014; Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015, Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 03/6/2015, đối với Ngân hàng VT cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

6. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc L không trả nợ hoặc trả không đủ số nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 314742-NQH-29052014 ngày 13/6/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 13/6/2014, theo Hợp đồng tín dụng số 4668479 ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 25/9/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 26/9/2015 thì Ngân hàng VT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Hà Nội HS (theo bản án đã có hiệu lực pháp luật số 13/2019/KDTM-ST ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh) tại thửa đất số 76; Tờ bản đồ số 2; Diện tích 556m²; Địa chỉ thôn L, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901080, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00837.QSDĐ/ML do Ủy ban nhân dân Huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 13/6/2003 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T, SHK: 324747, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1580/2014, quyển số 02-2014 ngày 11/6/2014 tại Văn phòng Công chứng KĐ, Thành phố Hà Nội.

7. Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ thì bà L phải có trách nhiệm tiếp tục trả nốt số tiền còn lại cho Ngân hàng VT.

8. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán, thì bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về án phí:

+ Bà L phải nộp là **40.917.248** đồng (Bốn mươi triệu, chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm bốn tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

+ Ngân hàng VT được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp căn cứ

theo Quyết định tách vụ án số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh là **8.602.786** đồng (Tám triệu, sáu trăm linh hai nghìn, bảy trăm tám sáu đồng) được trừ vào số tiền **48.973.000** đồng (Bốn tám triệu, chín trăm bảy ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số **AA/2016/0001569 ngày 27/6/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

10. Ngân hàng VT có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Đông Anh
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Huyền